

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36COT2 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067201502 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3672051674	36COT2	Nguy n Ho ½ng An	24/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3672050856	36COT2	Nguy n Ng c Anh	20/12/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
3	3672051455	36COT2	Nguy n Th Bá	12/10/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
4	3672050753	36COT2	Khâu Trung Can	02/11/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
5	3672051081	36COT2	Hu ½nh Minh C nh	21/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3672050466	36COT2	Tr n Ho ½ng Cung	16/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3672051216	36COT2	Nguy n Minh Chinh	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3672050644	36COT2	ñ V Ññ Chung	20/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
9	3672050548	36COT2	Nguy n ã nh Duy	01/01/1993				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
10	3672050889	36COT2	Nguy n Ng c Duy	13/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
11	3672050724	36COT2	VH Ng c Duy	12/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3672050427	36COT2	Tr n ã c ã t	09/03/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
13	3672051664	36COT2	Tr n Thanh ã t	13/07/1994				4.0			4.0	1.2	3.5	2.5	3.7	
14	3672050926	36COT2	H Quang ã c	24/10/1993				3.0			3.0	0.9	0.5	0.4	1.3	
15	3672051098	36COT2	Ng» Vi t ã c	14/11/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
16	3672050691	36COT2	L ² V Ññ H u	23/07/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
17	3672050808	36COT2	V½ V Ññ Hi n	20/06/1994				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
18	3672050704	36COT2	Cao Thành Hi p	01/08/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
19	3672050863	36COT2	Tr ng Minh Hoàng	09/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201502 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3672051629	36COT2	Nguy n V ấ Hòa	20/04/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
21	3672051887	36COT2	V ½ Nh Tr ng Hu n	25/02/1994				3.0			3.0	0.9	8.0	5.6	6.5	
22	3672050448	36COT2	Ph m Duy Huy	25/08/1994				4.0			4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
23	3672051651	36COT2	Tr n ấ c Huy	15/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3672051481	36COT2	L ng L ấ Huynh	02/01/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
25	3672050744	36COT2	Nguy n Thanh Hùng	07/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3672051266	36COT2	Tr n V ấ Hùng	21/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
27	3672050886	36COT2	Lý Thái H ng	27/07/1994				6.0			6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
28	3672050917	36COT2	V ½ V ấ Ki t	20/06/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
29	3672051097	36COT2	L² Qu c Kh i	01/09/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
30	3672050943	36COT2	ấ ng Tr n Th Y Linh	01/11/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
31	3672052002	36COT2	Nguy n B o Linh	14/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
32	3672050800	36COT2	Phan Thanh Long	25/05/1994				4.0			4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
33	3672050565	36COT2	Nguy n H u L i	21/03/1994				4.0			4.0	1.2	2.0	1.4	2.6	
34	3672052028	36COT2	Nguy n Th ầ nh Luân	05/11/1994				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
35	3672050504	36COT2	ấ inh Tr ng L ng	20/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
36	3672051474	36COT2	Nguy n Minh L c	12/12/1994				4.0			4.0	1.2	4.0	2.8	4.0	
37	3672051668	36COT2	Lâm Châu Minh	14/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
38	3672050429	36COT2	Nguy n ấ nh Minh	02/02/1992				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201502 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ầ Y SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M TH ầ	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3672050645	36COT2	D ầ ng V ầ h	Nam	14/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
40	3672050981	36COT2	Mai ầ	Ngh ầ	24/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
41	3672050494	36COT2	Ph ầ ng V ầ ng	Ngh ầ	08/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.5	0.4	1.6	
42	3672051238	36COT2	Hu ầ nh ầ i	Nh ầ n	08/04/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
43	3672051593	36COT2	Tr ầ n ầ nh	Nhi ầ n	19/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
44	3672051056	36COT2	Ph ầ m Qu ầ c	Ph ầ p	30/03/1992				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
45	3672050842	36COT2	N ầ ng V ầ h	Phi	10/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
46	3672050775	36COT2	Lê Thanh	Phong	22/07/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
47	3672050649	36COT2	V ầ L Thanh	Phong	14/12/1992				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
48	3672051541	36COT2	Vô Công	Phúc	12/04/1994				0.0			0.0	0.0	3.5	2.5	2.5	N HP
49	3672051203	36COT2	Vô Minh	Ph ầ ng	15/03/1994				4.0			4.0	1.2	1.5	1.1	2.3	
50	3672050443	36COT2	H Minh	Ph ầ ng	02/09/1994				5.0			5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	
51	3672051600	36COT2	L ầ ầ ng Ho ầ	Ph ầ ng	16/08/1994				2.0			2.0	0.6	1.5	1.1	1.7	
52	3672052038	36COT2	Tr ầ n	Ph ầ ng	09/04/1993				3.0			3.0	0.9	1.0	0.7	1.6	
53	3672051530	36COT2	Tr ầ n Thanh	Quy ầ t	29/06/1993				0.0			0.0	0.0	7.0	4.9	4.9	N HP
54	3672050956	36COT2	D ầ ng Cao	Quý	30/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
55	3672050435	36COT2	L ầ V ầ h	Sang	05/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
56	3672050438	36COT2	Mai Ng ầ c	S ầ n	06/02/1994				3.0			3.0	0.9	2.0	1.4	2.3	
57	3672050651	36COT2	Nguy ầ n T ầ n	Tài	07/12/1994				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201502 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ Vi T ấ N	NG ấ SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3672050942	36COT2	Nguy n T n Tài	08/07/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
59	3672050957	36COT2	T» Ti n Tài	08/10/1994				4.0			4.0	1.2	2.5	1.8	3.0	
60	3672051529	36COT2	Tr n Qu c Tài	08/11/1994				4.0			4.0	1.2	6.5	4.6	5.8	
61	3672051061	36COT2	Nguy n Th ấ nh Tâm	27/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
62	3672052001	36COT2	Ho ấ ng Duy Tân	18/01/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
63	3672052055	36COT2	Nguy n Xu ấ n Tín	04/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
64	3672051303	36COT2	Hu ấ nh Nguy n Tr ng Toàn	21/01/1994				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
65	3672051271	36COT2	Tr n Qu c Toàn	08/02/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
66	3672050723	36COT2	Lê Công T ồ an	15/01/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
67	3672050891	36COT2	Nguy n ấ nh Tuấn	23/09/1993				4.0			4.0	1.2	5.5	3.9	5.1	
68	3672051573	36COT2	Bùi Công Tu n	05/09/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
69	3672050974	36COT2	V ấ V ấ Nh Tu n	01/06/1993				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
70	3672051021	36COT2	Nguy n Ho ấ ng Tùng	22/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
71	3672050697	36COT2	Nguy n Ng c T i	07/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
72	3672050643	36COT2	Nguy n Ch ấ Thanh	20/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
73	3672051868	36COT2	ấ o ấ V ấ Nh Thành	05/08/1993				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
74	3672051610	36COT2	Ph m Nh t Th o	20/10/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
75	3672050433	36COT2	Hu ấ nh Tr ng Th ng	24/08/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
76	3672051480	36COT2	ấ ng V ấ Nh Thi n	20/10/1993				3.0			3.0	0.9	3.5	2.5	3.4	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36COT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201502 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3672050579	36COT2	Lê Minh	Thi n	10/05/1993				2.0			2.0	0.6	3.0	2.1	2.7	
78	3672050413	36COT2	Tr ng H u	Thi n	13/09/1993				3.0			3.0	0.9	4.0	2.8	3.7	
79	3672050555	36COT2	Nguy n V ấ	Th nh	14/02/1994				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
80	3672050962	36COT2	Tr n B ấ	Th nh	09/03/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
81	3672051961	36COT2	Nguy n V ấ	Thu n	14/03/1993				2.0			2.0	0.6	1.5	1.1	1.7	
82	3672050988	36COT2	Tr n V ấ	Thùy	07/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
83	3672051973	36COT2	Tr ng ấ ấ	Tri u	29/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
84	3672051658	36COT2	Bùi Thanh	Tr í	15/03/1993				10.0			10.0	3.0	7.5	5.3	8.3	
85	3672051854	36COT2	Tr n B ấ	Tr ng	15/05/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
86	3672050827	36COT2	L ấ Tu n	Trung	28/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
87	3672050476	36COT2	Nguy n V ấ	Trung	05/06/1994				3.0			3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	
88	3672051082	36COT2	Ph m V ấ	Trung	16/10/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
89	3672050805	36COT2	Tr n Quang	Trung	10/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
90	3672051894	36COT2	Nguy n Quang	Vinh	01/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
91	3672050460	36COT2	Ph m Ng c	V ấ O	09/01/1994				4.0			4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	

T ng s : 91 h c sinh sinh v ấ n
Tr ng KhoaGi ấ o V ấ n B M ấ nTp.HCM, ngày / /Gi ấ o V ấ Khoa